

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/9/2020.

V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga.
2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T – Sinh năm 1999. Nơi cư trú: ấp LH, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Thành X – sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1958. Nơi cư trú: ấp AP, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: bà và ông X quen biết, tìm hiểu và kết hôn vào năm

2018, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông X không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường hay cãi nhau, tính tình không phù hợp, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh Đ – sinh ngày 15/4/2019; Hiện con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k do mẹ chồng là bà Phạm Thị M cất giữ, theo đơn khởi kiện thì bà T có yêu cầu bà M trả lại để vợ chồng chia khi ly hôn. Quá trình giải quyết bà T có đơn yêu cầu rút lại yêu cầu bà M trả 10 chỉ vàng 24k để vợ chồng chia khi ly hôn. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trương Thành X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông X, bà M vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa bà T và ông X có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không chia sẻ được với nhau và ly thân. Nay, bà T yêu cầu ly hôn, ông X không có ý kiến, cả hai không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T xin ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Về tài sản chung: bà T có đơn xin rút lại yêu cầu bà M trả lại 10 chỉ vàng 24k để chia khi ly hôn nên không xem xét đến, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T xin ly hôn ông X. Về con chung bà T được tiếp tục nuôi con chung, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông X có nơi cư trú tại xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông X được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X.

Theo đơn khởi kiện và Thông báo thụ lý vụ án số 177/TB-TLVA ngày 18/02/2020 thì bà Phạm Thị M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án bà T có đơn yêu cầu rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên bà M không có quyền lợi cũng như nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên không đưa bà M vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông X chung sống với nhau vào năm 2018, có làm đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà T trình bày, vợ chồng chung sống đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông X không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng hay cãi nhau trong sinh hoạt. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2019 không ai quan tâm đến nhau. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn với ông X. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T yêu cầu ly hôn và triệu tập ông X tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông X vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông X đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông X không lo lắng trong gia đình, nên vợ chồng hay cãi nhau và không còn chung sống từ tháng 5/2019 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Minh Đ – sinh ngày 15/4/2019; Hiện con chung đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu Đăng chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Đăng cho bà T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông X không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung*: Bà T có đơn rút phần yêu cầu chia tài sản căn cứ Điều 217 đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bà T.

[5] *Về quan hệ nợ chung*: không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 217; Điều 227, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T xin ly hôn ông Trương Thành X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Minh Đăng – sinh ngày 15/4/2019. Ông Trương Thành X không phải cấp dưỡng nuôi.

Bà Cẩm T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông X trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu bà Phạm Thị M trả lại 10 chỉ vàng 24k để chia khi ly hôn.

Về nợ chung: Ghi nhận việc bà T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà X phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 825.000 (Tám trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0008064 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 17/02/2020 được nhận lại số tiền 525.000đ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông X vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Long Giang, h. Chợ Mới, An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình